TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29/4/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tín và bà Đỗ Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - N sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hà Thị H,** sinh năm 1989.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn C, xã L, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: Khu 3, xã Vân Báng, tỉnh Phú Thọ

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn H1**, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn C, xã L, tỉnh Ninh Bình.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Tổ A, phân trại 3 Trại giam N3; địa chỉ: xã P, tỉnh Phú Thọ.

Phiên toà vắng mặt: Chị H, anh H1 (đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2026, bản tự khai, lời khai, lời trình bày của nguyên đơn (chị Hà Thị H); văn bản trình bày ý kiến của bị đơn (anh Trần Văn H1) trong quá trình giải quyết vụ án, với nội dung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H và anh Trần Văn H1 lấy nhau hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là UBND xã L, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 01/3/2022.

Theo chị Hà Thị H trình bày: Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2023 thì phát sinh nhiều va chạm, mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong sinh hoạt hàng ngày và trong làm ăn kinh tế nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay không ai quan tâm tới ai. Nay chị Hà Thị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Trần Văn H1 H1 không còn, nên chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn anh H1.

Anh Trần Văn H1 có bản tự khai trình bày: Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong sinh hoạt hàng ngày nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay không ai quan tâm tới ai. Nay chị Hà Thị H yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn thì anh Trần Văn H1 hoàn toàn đồng ý.

- Về con chung: Chị Hà Thị H và anh Trần Văn H1 cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2018 và cháu Trần Bảo C, sinh ngày 15 tháng 4 năm 2020. Khi ly hôn, cả chị H và anh H1 đều xin nuôi cả hai cháu và đều không yêu cầu bên kia cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Nguyện vọng của cháu Trần Bảo N xin được ở với bố là Trần Văn H1.

- Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà:

- Vắng mặt các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Ninh Bình có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật; việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Chị Hà Thị H và anh Trần Văn H1 đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Chị Hà Thị H và anh Trần Văn H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H, anh H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị xử công nhận thuận tình giữa chị Hà Thị H và anh Trần Văn H1. Về con chung, đề nghị giao cả 02 con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2018 và cháu Trần Bảo C, sinh ngày 15 tháng 4 năm 2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Hà Thị H. Các vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không giải quyết. Đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Hà Thị H cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chị Hà Thị H và anh Trần Văn H1 đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H, anh H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị H và anh Trần Văn H1 là hợp pháp, được UBND xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là UBND xã L, tỉnh Ninh Bình) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 01/3/2022. Quá trình chung sống, Hà Thị H và anh Trần Văn H1 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị Hà Thị H và anh Trần Văn H1 đã chính thức sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống chung từ năm 2023 cho đến nay. Nay chị Hà Thị H có đơn khởi kiện ly hôn anh Trần Văn H1, anh H1 hoàn toàn đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hà Thị H và anh Trần Văn H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị H là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Hà Thị H và anh Trần Văn H1 đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2018 và cháu Trần Bảo C, sinh ngày 15 tháng 4 năm 2020; hiện nay cháu N và cháu C đều đang được bà nội cháu là mẹ đẻ của anh Trần Văn H1 (bà Trần Thị N1) trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, cả chị Hà Thị H và anh Trần Văn H1 đều xin nuôi cả hai cháu và đều không yêu cầu bên kia cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy: Nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của chị Hà Thị H và anh Trần Văn H1 là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Nhưng do hiện nay anh H1 đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N3 - Bộ C1 nên không thể giao con chung của vợ chồng cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng các cháu được. Mặt khác, chị Hà Thị H cũng có nguyện vọng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Bảo N và Trần Bảo C. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cho chị Hà Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Bảo

N và Trần Bảo C cho đến khi cháu N2 đủ 18 tuổi trưởng thành, tự lập được là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Hà Thị H không yêu cầu anh Trần Văn H1 cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn (chị Hà Thị H) tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị Hà Thị H nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị H và anh Trần Văn H1.

2. Về con chung: Giao cho chị Hà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Bảo N, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2018 và cháu Trần Bảo C, sinh ngày 15 tháng 4 năm 2020, kể từ tháng 5/2026 cho đến khi các cháu N, C đủ 18 tuổi trưởng thành, tự lập được. Anh Trần Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Hà Thị H và anh Trần Văn H1 mỗi người phải nộp 75.000 (*Bảy mươi lăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Hà Thị H nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị Hà Thị H đã nộp 300.000 (*Ba*

trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000873 ngày 02 tháng 3 năm 2026 chị Hà Thị H được hoàn lại 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Khu vực 6 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Lý Nhân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Thành Nam